| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN BẾN LỨC**<br>**TỈNH LONG AN** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** |

Bản án số: 29/2024/DS-ST
Ngày: 16-4-2024
V/v tranh chấp hợp đồng góp hụi

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẾN LỨC, TỈNH LONG AN**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Đoàn Thanh Lâm.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Ngọc Ẩn;

2. Bà Nguyễn Thị Hưởng.

***- Thư ký phiên tòa:*** Ông Lê Phước Long - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bến Lức, tỉnh Long An.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bến Lức, tỉnh Long An tham gia phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Bích Duyên - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 4 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bến Lức xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 52/2024/TLST-DS ngày 24 tháng 01 năm 2024 về tranh chấp "hợp đồng góp hụi" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 33/2024/QĐXXST-DS ngày 25 tháng 3 năm 2024 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1951.

Địa chỉ: Số C, Ấp C, xã T, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh. (có mặt)

- *Bị đơn:*

1. Ông Võ Thành L, sinh năm 1971. (có mặt)

2. Bà Huỳnh Thị H1, sinh năm 1978. (có mặt)

Cùng địa chỉ: Ấp E, xã T, huyện B, tỉnh Long An.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn là bà Nguyễn Thị H trình bày:*

Bà Nguyễn Thị H có tham gia hụi do ông Võ Thành L và bà Huỳnh Thị H1 làm chủ thảo. Cụ thể:

Hụi 2.000.000 đồng/tháng mở ngày 10/4/2022 (âm lịch), bà H tham gia 02 phần, đóng được 09 kỳ, với số tiền là 28.800.000 đồng.

Hụi 5.000.000 đồng/tháng mở ngày 06/5/2022 (âm lịch), bà H tham gia 01 phần, đóng được 08 kỳ, với số tiền là 32.000.000 đồng.

Sau đó, ông L và bà H1 thông báo vỡ hụi. Trong quá trình tham gia chơi hụi, ông L không lập và giao danh sách hụi viên cho bà H. Đến kỳ đóng tiền hụi, do tin tưởng lẫn nhau nên bà H không cầu ông L làm biên nhận tiền.

Trước khi khởi kiện đến Tòa án, bà H cùng một số hụi viên khác có khiếu nại ông L và bà H1 đến Ủy ban nhân dân xã T, huyện B. Tại Biên bản hòa giải ngày 17/3/2023, ông L xác định còn nợ bà H số tiền hụi là 60.800.000 đồng. Ông L cam kết sẽ trả lại cho bà H số tiền này. Tuy nhiên, sau đó ông L và bà H1 không trả số tiền trên cho bà H. Bà H khởi kiện yêu cầu ông Võ Thành L và bà Huỳnh Thị H1 phải trả lại cho bà H số tiền đã đóng hụi là 60.800.000 đồng, bà H không yêu cầu trả lãi.

*Bị đơn là ông Võ Thành L trình bày:*

Trước đây, vợ chồng ông Võ Thành L và bà Huỳnh Thị H1 làm chủ thảo hụi, nên có tổ chức cho nhiều người chơi. Ông L và bà H1 tổ chức nhiều loại hụi, bao gồm: hụi 500.000 đồng/tháng, 1.000.000 đồng/tháng, không có 5.000.000 đồng/tháng. Hàng tháng, hụi viên đóng tiền thì ông L đều có ký tên xác nhận vào giấy hụi, giấy này do hụi viên giữ. Ngoài ra, ông L không có lập danh sách hụi viên để ông L lưu giữ. Đối với yêu cầu khởi kiện của bà H, ông L xác định nếu bà H có đầy đủ giấy tờ nhận tiền hụi thì ông L đồng ý trả, trường hợp bà H không có giấy tờ chứng minh thì ông L không đồng ý yêu cầu khởi kiện của bà H.

Ông L xác định ông L có tham gia phiên hòa giải ngày 17/3/2023 của Ủy ban nhân dân xã T, ông L xác định chữ ký trong biên bản này là của ông L. Tuy nhiên, ông L cho rằng khi đó ông L có trình bày là ai có giấy tờ nhận tiền hụi thì ông L sẽ trả đầy đủ cho họ trong đó có bà H, chứ ông L không thừa nhận là có nợ tiền của họ.

*Bị đơn là bà Huỳnh Thị H1 trình bày:* Bà Huỳnh Thị H1 là vợ của ông L. Bà H1 thống nhất với lời trình bày của ông L, bà H1 không trình bày bổ sung gì thêm.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bến Lức phát biểu ý kiến:*

1. Về tố tụng:

Trong quá trình giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng, đầy đủ các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan về việc xét xử sơ thẩm vụ án. Người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại các Điều 70, 71, 72, 73 và Điều 85, 86 Bộ luật Tố tụng dân sự.

2. Về nội dung:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, thấy rằng:

Tại Biên bản hòa giải thành ngày 17/3/2023 của Ủy ban nhân dân xã T có chữ ký xác nhận của các bên tham gia, ông L đã thừa nhận việc mình có nợ bà H số tiền hụi là 60.800.000 đồng. Ông Võ Thành L và bà Huỳnh Thị H1 có quan hệ vợ chồng hợp pháp, chung sống lâu dài, nên khoản nợ hụi này được xác định là nợ chung trong thời kỳ hôn nhân. Do đó, nguyên đơn là bà Nguyễn Thị H khởi kiện yêu cầu bị đơn là ông Võ Thành L và vợ là bà Huỳnh Thị H1 liên đới trả số tiền 60.800.000 đồng còn nợ là có căn cứ, phù hợp theo quy định của pháp luật nên có cơ sở để chấp nhận.

Từ những phân tích trên, căn cứ vào các Điều 274, 275, 280, 288 Bộ luật Dân sự và Điều 27 Luật Hôn nhân và Gia đình, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị H.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Bà Nguyễn Thị H khởi kiện yêu cầu vợ chồng ông Võ Thành L và bà Huỳnh Thị H1 có nghĩa vụ liên đới trả cho bà H số tiền 60.800.000 đồng. Hiện tại, vợ chồng ông L và bà H1 đang cư trú tại xã T huyện B, tỉnh Long An. Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, xác định quan hệ pháp luật tố tụng là "tranh chấp hợp đồng góp hụi", thẩm quyền giải quyết theo thủ tục sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Bến Lức, tỉnh Long An.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của Nguyễn Thị H về việc tranh chấp hợp đồng góp gụi đối với ông Võ Thành L và bà Huỳnh Thị H1, thấy rằng:

[2.1] Bà Nguyễn Thị H cho rằng có tham gia chơi hụi do ông Võ Thành L và bà Huỳnh Thị H1 làm chủ thảo. Quá trình tham gia chơi hụi, bà H đóng được số tiền 60.800.000 đồng thì ông L và bà H1 thông báo vỡ hụi, nên bà H yêu cầu ông L và bà H1 phải trả lại cho bà H số tiền đã đóng hụi là 60.800.000 đồng. Ông L cho rằng khi hụi viên đóng tiền hàng tháng thì ông L đều có ký tên xác nhận vào giấy biên nhận tiền hụi và giấy này do hụi viên giữ. Ngoài ra, ông L không có lập danh sách hụi viên để lưu giữ. Ông L và bà H1 không đồng ý yêu cầu khởi kiên của bà H và yêu cầu bà H cung cấp giấy biên nhận mà ông L nhận tiền hụi hàng tháng từ bà H. Hội đồng xét xử xét thấy trước khi bà H khởi kiện tại Tòa án, bà H và những thành viên chơi hụi khác có khiếu nại đến Ủy ban nhân dân xã T Tại Biên bản hòa giải ngày 17/3/2023 ông L xác định có nợ bà H số tiền như bà H khởi kiện và cam kết đến ngày 17/8/2023 sẽ trả cho bà H. Như vậy, Hội đồng xét xử có căn cứ xác định ông L và bà H1 có nợ số tiền của bà H là sự thật.

[2.2] Ông L và bà H1 là chủ thảo hụi, nhưng không lập và giữ sổ hụi (họ) đã vi phạm khoản 1 Điều 12 của Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ quy định về họ, hụi, biêu, phường (sau đây gọi tắt là Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019). Tại khoản 1 Điều 12 của Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 quy định: "*Chủ họ phải lập và giữ sổ họ, trừ trường hợp có thỏa thuận về việc một thành viên lập và giữ sổ họ. Trường hợp dây họ không có chủ họ thì các thành viên thỏa thuận giao cho một thành viên lập*

*và giữ sổ họ". Ngoài ra,* ông L và bà H1 tổ chức hai dây hụi trở lên, nhưng không thông báo cho Ủy ban nhân dân cấp xã nơi cư trú là Ủy ban nhân dân xã T về việc tổ chức dây họ, đã vi phạm khoản 6 Điều 18 của Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019. Tại khoản 6 Điều 18 Nghị định số 19/2019/NĐ-CP quy định:

*"Điều 18. Nghĩa vụ của chủ họ*

*……*

*6. Gửi thông báo theo quy định tại khoản 1 Điều 14 của Nghị định này."*

Tại Điều 14 của Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 quy định:

*"Điều 14. Thông báo về việc tổ chức dây họ*

*1. Chủ họ phải thông báo bằng văn bản cho Ủy ban nhân dân cấp xã nơi cư trú về việc tổ chức dây họ khi thuộc một trong các trường hợp sau:*

*a) Tổ chức dây họ có giá trị các phần họ tại một kỳ mở họ từ 100 triệu đồng trở lên;*

*b) Tổ chức từ hai dây họ trở lên.*

*2. Nội dung văn bản thông báo:*

*a) Họ, tên, số chứng minh nhân dân hoặc số căn cước công dân hoặc số hộ chiếu, ngày, tháng, năm sinh, nơi cư trú của chủ họ;*

*b) Thời gian bắt đầu và kết thúc dây họ;*

*c) Tổng giá trị các phần họ tại kỳ mở họ;*

*d) Tổng số thành viên.*

*3. Trường hợp thông tin về dây họ đã được thông báo theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này mà có sự thay đổi thì chủ họ phải thông báo bổ sung bằng văn bản cho Ủy ban nhân dân cấp xã nơi cư trú về việc thay đổi đó.*

*4. Chủ họ không thực hiện nghĩa vụ quy định tại khoản 1 Điều này thì bị xử phạt vi phạm hành chính theo quy định pháp luật."*

Ông L và bà H1 tổ chức làm đầu thảo hụi nhưng không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ của mình và không có trách nhiệm với hụi viên.

[3] Từ các phân tích trên, Hội đồng xét xử có căn cứ chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà H, cũng như ý kiến của đại diện Viện kiểm sát.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ vào Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, buộc ông L và bà H1 cùng phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 3.040.000 đồng (60.800.000 đồng x 5%) do yêu cầu khởi kiện của bà H được Tòa án chấp nhận.

Bà H được miễn tạm ứng án phí, nên không có hoàn lại số tiền tạm ứng án phí cho bà H.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; các Điều 147, 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 274, 275, 280, 288, 471 của Bộ luật Dân sự; Điều 12; 14 và 18 của Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ quy định về họ, hụi, biêu, phường;

Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp và quản lý sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị H đối với ông Võ Thành L và bà Huỳnh Thị H1.

Buộc ông Võ Thành L và bà Huỳnh Thị H1 có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Nguyễn Thị H số tiền 60.800.000 đồng (sáu mươi triệu tám trăm nghìn đồng).

Khi án có hiệu lực pháp luật, kể từ khi có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong các khoản tiền, bên có nghĩa vụ thi hành án còn phải chịu thêm khoản tiền lãi trên số tiền chậm trả theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và Điều 468 Bộ luật Dân sự, tương ứng với thời gian chưa thi hành.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc ông Võ Thành L và bà Huỳnh Thị H1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 3.040.000 đồng sung quỹ Nhà nước.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

***Nơi nhận:***
- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Bến Lức;
- Chi cục THADS huyện Bến Lức;
- Đương sự;
- Lưu./.

**Đoàn Thanh Lâm**